

MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Nhận bài:

12 - 01 - 2020

Chấp nhận đăng:

10 - 03 - 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, nhu cầu học tiếng Việt như một ngoại ngữ của người nước ngoài ngày càng tăng. Để nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Việt và phát huy hơn nữa hiệu quả giao tiếp sau khi học, việc chọn lựa phương pháp giảng dạy tiên tiến cũng đóng một vai trò quyết định. Là một đơn vị có uy tín trong đào tạo tiếng Việt, nhiều phương pháp khác nhau đã được áp dụng linh hoạt trong các lớp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN, trong đó, theo chúng tôi, phương pháp giao tiếp là một phương pháp khoa học và thực tế đã mang lại hiệu quả tích cực giúp nâng cao năng lực giao tiếp của người học. Bài viết này giới thiệu một số vấn đề xung quanh thực tế dạy tiếng Việt cho người nước ngoài bằng phương pháp giao tiếp tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Từ khóa: phương pháp giao tiếp; tiếng Việt như một ngoại ngữ; hiệu quả; đổi mới phương pháp; năng lực giao tiếp.

1. Đặt vấn đề

Cùng với xu thế toàn cầu hoá, số lượng người nước ngoài đến Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng để làm việc, học tập và sinh sống ngày càng tăng lên. Để sống và làm việc tại Việt Nam đòi hỏi người nước ngoài phải biết tiếng Việt, phải hiểu văn hóa Việt Nam. Do đó, việc học Tiếng Việt là một nhu cầu không thể thiếu đối với người nước ngoài ngày nay. Hàng năm, Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN tiếp nhận hàng trăm học viên đến học tiếng Việt với những mục đích khác nhau. Nhiều phương pháp khác nhau đã được áp dụng trong các lớp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN, trong đó, chúng tôi nhận thấy rằng phương pháp giao tiếp là một phương pháp khoa học và thực tế đã mang lại hiệu quả tích cực đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học tiếng Việt. Tuy nhiên, làm thế

nào để linh hoạt áp dụng phương pháp giao tiếp phối hợp với ưu điểm của những phương pháp khác để giảng dạy cho học viên, tùy theo trình độ, mục đích học tiếng Việt của họ, làm sao để học viên đạt được tiến bộ và thành công cao nhất trong việc học vẫn là một bài toán khó trong thực tế dạy học tiếng Việt hiện nay. Bài viết này giới thiệu một số vấn đề trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài bằng phương pháp giao tiếp tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng từ đó phân tích những vấn đề thực tế còn vướng mắc nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại đơn vị nói riêng và việc đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài nói chung.

2. Lịch sử nghiên cứu

2.1. Khái lược các công trình nghiên cứu về việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước

* Tác giả liên hệ

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: tqdnghe@ued.udn.vn

ngoài bằng phương pháp giao tiếp

Phương pháp giao tiếp là một phương pháp giảng dạy ngoại ngữ phổ biến trên thế giới. Ở Việt Nam, cho tới nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố đề cập đến việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài bằng phương pháp giao tiếp, trong đó điển hình là: “Tiếng Việt và việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài” của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQGHN); “Giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ” của GS Phan Văn Giưỡng; Trần Thị Lan (2009), “Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo phương pháp giao tiếp” (Hội thảo Đổi mới PPDH); “Vấn đề dạy tiếng Việt cho người nước ngoài” của Nguyễn Văn Huệ (tham luận trong hội thảo khoa học toàn quốc do Trường Đại học Sài Gòn, Trường đại học HUFLIT tổ chức 2010),... Đây là những công trình đề cập khá chuyên sâu về việc dạy tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp. Tuy nhiên, các tác giả cũng chỉ khái quát những vấn đề chung trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, chưa phân tích sâu về lí luận, đặc biệt là những vấn đề thường gặp thuộc về tiến trình giao tiếp khi triển khai phương pháp giao tiếp cũng như bàn luận về cách giải quyết những vướng mắc trong thực trạng đào tạo tiếng Việt bằng phương pháp giao tiếp. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy và xây dựng nội dung bài viết này, chúng tôi đã tiếp thu, kế thừa những kết quả nghiên cứu của những công trình đi trước và phát triển, đề xuất thêm những nguyên tắc, hướng xử lí trong thực tế dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (từ đây gọi là Trường ĐHS - ĐHN).

2.2. Phương pháp giao tiếp trong dạy học ngoại ngữ

Phương pháp giao tiếp (Communicative Language Learning / Communicative Approach) do các nhà ngôn ngữ học ứng dụng người Anh đề xướng. Theo cách tiếp cận của phương pháp giao tiếp (Canale & Swain, 1980; Bachman 1990, Vũ Thị Thanh Hương, 2007), trong dạy tiếng thay vì chỉ cung cấp các kiến thức ngôn ngữ học thuần túy cho người học, người dạy cần chú trọng phát triển “năng lực giao tiếp” (Communicative competence) của người học, mà mục đích cần đạt đến là nhấn mạnh: Mục đích của việc học ngoại ngữ (ở đây là tiếng Việt) là năng lực giao tiếp (Communicative Competence), nghĩa là, muốn cho học viên giao tiếp bằng ngôn ngữ đích trong quá trình học. Có rất nhiều

nhà phương pháp luận nhấn mạnh đến sự thụ đắc các cấu trúc ngôn ngữ hoặc từ vựng. Các nhà sư phạm chủ trương phương pháp giao tiếp đều hiểu rằng cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng là quan trọng. Tuy nhiên, họ nhận thấy rằng việc chuẩn bị cho sự giao tiếp sẽ không đạt kết quả tốt nếu chỉ dạy cho học viên những điều trên. Học viên có thể biết được một số cách thức dùng ngôn ngữ chứ không thể dùng ngôn ngữ trong thực tế. Nhiệm vụ chính của những giáo viên sử dụng phương pháp này là làm thế nào để học viên có năng lực giao tiếp (Communicative Competence). Với yêu cầu này, cũng là mục đích của nhiều phương pháp khác, thì ở phương pháp giao tiếp, khái niệm năng lực giao tiếp được đặc biệt quan tâm và mở rộng hơn.

Năng lực giao tiếp thể hiện ở chỗ người ta có thể sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong một bối cảnh cụ thể. Để làm được điều này, học viên cần có tri thức về các cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng và chức năng. Họ cần hiểu rằng có nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau có thể dùng để biểu thị một nội dung, và cũng có khi một trường hợp một hình thức ngôn ngữ có biểu thị nhiều nội dung. Họ phải chọn trong số đó những hình thức phù hợp nhất dành cho bối cảnh xã hội và vai trò của người cùng đối thoại (The interlocuter). Thêm vào đó, họ cũng phải điều chỉnh tiến trình giao tiếp với người đối thoại của mình. Với phương pháp này, học viên có kiến thức ngôn ngữ giới hạn cũng có thể giao tiếp thành công. Ngôn ngữ đích được xem như là công cụ để giao tiếp chứ không phải là chủ đề để học. Sự tương tác giữa học viên với học viên xảy ra rất thường xuyên trong những hoạt động nhóm, cặp, trong thảo luận. Bốn kĩ năng ngôn ngữ được giảng dạy từ khi học viên mới bắt đầu học, thông qua việc giao tiếp và những chủ đề văn hóa hay cuộc sống thường ngày của người dùng. Có thể thấy, phương pháp này chủ yếu nhấn mạnh vào việc phát triển kĩ năng nghe -nói-đọc-viết cho người học.

3. Nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài tại Trường ĐHS - ĐHN

Trong xu thế hiện đại, người nước ngoài đến Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng học tiếng Việt ngày càng tăng. Là một trong 7 trường sư phạm trọng điểm quốc gia và là đơn vị đào tạo đa lĩnh vực uy tín, trường ĐHS - ĐHN rất chú trọng công tác đào tạo lưu học sinh. Với kinh nghiệm hơn 20 năm đào tạo tiếng Việt và văn hoá Việt Nam, trong những năm qua, số

lượng lưu học sinh Lào, Trung Quốc và các nước khác theo học tiếng Việt tại Trường tăng lên đáng kể. Năm học 2019 - 2020, Trường tiếp nhận nhiều học viên đến từ các quốc gia khác nhau như Canada, Malaysia, Hàn Quốc, Đức, Lào, Đài Loan, Trung Quốc... Hiện có 11 học viên cao học (08 học viên Lào, 02 học viên Hàn Quốc, 01 học viên Trung Quốc), 01 nghiên cứu sinh người Lào, 5 lưu học sinh Đài Loan, 38 lưu học sinh Trung Quốc và hơn 100 lưu học sinh học tiếng Việt đang theo học tại Trường.

Người nước ngoài đến Trường Đại học Sư phạm học tiếng Việt phân hoá thành nhiều độ tuổi, nghề nghiệp và với nhiều mục đích khác nhau. Dựa trên thông tin học viên ở các khoá học, chúng tôi phân ra 4 nhóm mục đích chính như sau:

(1) Để dự bị tiếng Việt nhằm học tiếp chương trình Đại học hoặc Sau Đại học ở Việt Nam;

(2) Học tiếng Việt để nghiên cứu lịch sử, văn hóa, văn học, ngôn ngữ, kinh tế Việt Nam... (thường là các học viên chương trình trao đổi sinh viên 3+1 hoặc các học viên làm công tác nghiên cứu);

(3) Để giao tiếp trong sản xuất kinh doanh: Học viên thường là các doanh nhân, các nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu thị trường hoặc đầu tư, làm ăn ở Việt Nam ngắn hoặc dài hạn;

(4) Để giao tiếp trong đời thường: người học đối tượng này thường làm công tác trao đổi văn hóa giáo dục, họ cư trú ở Việt Nam trong thời gian ngắn hoặc có người thân đang sinh sống, làm việc tại Việt Nam.

Tất cả các đối tượng trên đều có mục đích và nhu cầu riêng khi đến học tiếng Việt tại Trường ĐHS - ĐHĐN. Tuy nhiên tựu trung lại, họ đều mong muốn có thể sử dụng tiếng Việt như một ngoại ngữ, một phương tiện giao tiếp thực sự sau khi hoàn tất khoá học. Với những mục đích nói trên, đối tượng học tiếng Việt của Trường Đại học Sư phạm có tỉ lệ tuyệt đối là 100% người học trên 17 tuổi. Đây là một khó khăn không nhỏ đối với việc dạy học ngoại ngữ, tuy nhiên chúng tôi cho rằng đây lại là một thuận lợi để áp dụng phương pháp giao tiếp.

4. Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài học tiếng Việt tại Trường ĐHS - ĐHĐN bằng phương pháp giao tiếp

4.1. Nguyên tắc của việc giảng dạy tiếng Việt bằng phương pháp giao tiếp tại Trường ĐHS - ĐHĐN

4.1.1. Phối hợp linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy

Trên thực tế chúng tôi nhận thấy rằng không có phương pháp nào được xem là tối ưu nhất trong dạy học nói chung và dạy ngoại ngữ nói riêng. Mỗi phương pháp đều có ưu điểm và khuyết điểm của nó. Mục tiêu cuối cùng của hầu hết các phương pháp dạy ngoại ngữ (tiếng Việt) hiện nay là người học có thể giao tiếp được ngôn ngữ đích. Do vậy, ở trường ĐHS - ĐHĐN, dạy tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp thế nào để có thể phát huy được những ưu điểm nổi bật nói trên đồng thời hạn chế những nhược điểm của phương pháp này là một điều chúng tôi luôn đặt ra. Giải pháp của chúng tôi là không có phương pháp nào độc tôn mà phương pháp giao tiếp luôn được chúng tôi vận dụng và kết hợp các phương pháp khác nhau để nâng cao hiệu quả giảng dạy, phát huy đến mức cao nhất có thể được, để tạo cho học viên giao tiếp tự nhiên và hiệu quả bằng tiếng Việt. Chẳng hạn như, giáo viên cần phải quan tâm đến kĩ năng đọc, viết cũng như các cấu trúc ngữ pháp từ dễ đến khó được lồng ghép trong mỗi bài học để củng cố cho điểm yếu của phương pháp giao tiếp.

Chúng tôi luôn cân đối giảng dạy các bình diện ngôn ngữ và tạo ra một môi trường học tập lí thú, bằng cách vận dụng mọi thao tác phương tiện và các yếu tố phi ngôn ngữ để tăng cường và thúc đẩy các hoạt động giao tiếp.

4.1.2. Phân định rõ vai trò của giáo viên và học viên

Trong lớp học theo phương pháp giao tiếp, giáo viên lẫn học viên phải phối hợp với nhau trong suốt thời gian học tập. Sự phối hợp này chỉ có được khi cả giáo viên và học viên đều chuẩn bị chu đáo và xác định rõ nhiệm vụ của mình ngay từ khi lớp học bắt đầu.

Nhìn chung, phương pháp này đòi hỏi học viên có trách nhiệm với việc học của mình, luôn chủ động và sáng tạo trong học tập. Học viên phải tham gia vào các hoạt động thực hành trong lớp theo cách thức hợp tác và riêng lẻ, đồng thời phải lắng nghe và trao đổi với học viên khác trong nhóm, chứ không thực hành một cách máy móc hay lặp lại mẫu theo phương pháp truyền thống.

Đối với giáo viên, tùy theo giai đoạn, theo loại hình hoạt động mà đảm nhiệm vai trò như là người điều hành

(a controller), người tổ chức (an organizer), người gợi ý (a prompter) hoặc người tham dự (a participant). Về cơ bản, giáo trình chỉ là một bộ khung định hướng nội dung, yêu cầu cần đạt còn lại toàn bộ đầu việc, hoạt động và việc thiết kế đồ dùng dạy học sẽ do giáo viên hoạch định, thực hiện. Hiển nhiên là khối lượng công việc sẽ nặng hơn rất nhiều so với dạy tiếng Việt theo phương pháp truyền thống.

4.1.3. Sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ chính trong giảng dạy

Thực chất, đối tượng học viên học tiếng Việt ở Trường ĐHSP - ĐHĐN rất đa dạng như học viên đến từ các nước nói tiếng Anh, đến nhiều nước khác như Trung Quốc, Nhật, Lào, Campuchia... Chúng tôi luôn lưu ý việc sử dụng ngôn ngữ trung gian trong dạy tiếng Việt được xem như một công cụ để hướng dẫn học viên học ngôn ngữ đích, tuy nhiên chủ yếu là sử dụng ngôn ngữ trung gian từ trình độ sơ cấp - trong khoảng 1 tháng đầu của khoá học, khi học viên mới làm quen với tiếng Việt. Ở trình độ trung cấp và nâng cao, giáo viên hầu như hạn chế sử dụng ngôn ngữ trung gian mà tăng cường đến mức tuyệt đối sử dụng tiếng Việt trong lớp. Điều này tạo ra một áp lực đối với người học về việc phải giao tiếp bằng tiếng Việt để tiếp nhận bài học, từ đó củng cố và nâng cao sự chủ động và năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ đích của học viên.

4.1.4. Thiết lập bối cảnh ngôn ngữ để thực hành giao tiếp

Để xây dựng năng lực giao tiếp tiếng Việt cho người học, giáo viên cần kiến tạo các hoạt động dùng ngôn ngữ có bối cảnh giao tiếp thực tế trong đời sống. Nói cách khác, người dạy phải giúp học viên tham gia vào các hoạt động dùng ngôn ngữ, sau đó sẽ lấy những yếu tố ngữ pháp trong thể loại (discourse form) cho học viên thực hành một số bài tập (exercises). Khi tạo hoạt động ngôn ngữ giúp học viên trau dồi 4 kỹ năng ngôn ngữ, đáp ứng những nhu cầu và mục tiêu tiếp thụ (nghe và đọc) sau đó là các hoạt động diễn đạt (nói và viết).

Để tạo ra hoạt động phù hợp, giáo viên cần lưu ý: Thứ nhất, xác định rõ mục đích cần đạt về kiến thức ngôn ngữ và năng lực của người học theo từng bài. Thứ hai, phải dựa theo trình độ ngôn ngữ và nhu cầu và sở thích của từng đối tượng học viên. Thứ ba, lồng ghép những điểm ngữ pháp cho học viên thực hành thông qua những bài tập.

Trong các hoạt động dùng ngôn ngữ, cần có thêm những bài tập để hỗ trợ cho việc dùng ngôn ngữ, nhất là các bài tập nhằm trau dồi các yếu tố ngữ pháp, các hiện tượng ngôn điệu, phản xạ nhanh nhạy trong xử lý tình huống giao tiếp thực tế.

Chú ý đến yếu tố này nên kế hoạch đào tạo của chúng tôi luôn chú trọng đến việc học ngôn ngữ trong thực tế cuộc sống thông qua các giờ Outdoor hoặc chương trình thực tế ngôn ngữ và văn hoá ngắn hạn. Các chủ đề như *Mua sắm, Đi nhà hàng, Hỏi đường, Khám khám ở bệnh viện...* luôn luôn được giả định trong lớp học và thực hành trong thực tế. Việc học viên người nước ngoài đi chợ và mặc cả luôn tạo ra nhiều tình huống không chỉ bất ngờ mà còn tràn đầy hứng thú với quá trình giao tiếp tiếng Việt của họ.

4.1.5. Xây dựng các nhóm hoạt động thực hành ngôn ngữ

Thực chất của phương pháp giao tiếp là sự chuyển đổi hầu hết hình thức học ngoại ngữ truyền thống sang thực hành. Thay vì tập trung vào việc nắm vững các vấn đề về ngữ pháp và việc thực hành thông qua học thuộc lòng các bài tập ngữ pháp, các bài song thoại... Phương pháp giao tiếp cho phép quá trình học ngoại ngữ sử dụng các loại hoạt động “tự do” hơn, như thực hành theo nhóm, đóng vai, giải quyết vấn đề...

Các loại hoạt động thực hành này bao quát cả bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) nhằm phát triển khả năng giao tiếp của người học với người dạy và với những học viên khác tùy theo tình huống cụ thể.

Các nhóm hoạt động thực hành này phải bao gồm cả cố định và nhóm ngẫu nhiên để người học có thể tăng khả năng tương tác và phối hợp, tuy nhiên cũng đảm bảo theo dõi, nhận xét được quá trình phát triển, tiến bộ của từng người ở từng kỹ năng. Ngoài kế hoạch học tập theo tình huống và chủ đề trong và ngoài lớp học thì người dạy cần có bản phân công nhiệm vụ cho các nhóm thực hành ngôn ngữ để họ rèn luyện năng lực tương tác xã hội của mình. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ sẽ được đánh giá thông qua sản phẩm của nhóm.

Chẳng hạn, chúng tôi có thể giao cho nhóm sinh viên Hàn Quốc khảo sát về “Hứng thú của người trẻ Việt với ẩm thực Hàn”, hoặc nhóm sinh viên Đức (là những người ăn chay trường) tìm hiểu “Thói quen ăn chay của người Việt”, nhóm sinh viên Đài Loan quan tâm “Nên hay không cho trẻ đi học thêm?... Các bạn

bắt buộc phải tìm hiểu chủ đề, tạo bảng câu hỏi và tiến hành tương tác xã hội để có thông tin tổng hợp viết báo cáo. Thông qua các bước nói trên, sản phẩm có thể đánh giá quá trình làm việc của các nhóm hoạt động ngôn ngữ và giúp các bạn tiến bộ rõ rệt về khả năng giao tiếp tiếng Việt.

4.2. Quy trình giảng dạy tiếng Việt bằng phương pháp giao tiếp tại Trường ĐHSP - ĐHQĐ

Thông thường, để một chủ đề được giảng dạy theo phương pháp giao tiếp được tiến hành suôn sẻ và thành công, người dạy phải có quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ theo một quy trình được xác lập trong kế hoạch bài học cụ thể. Dĩ nhiên, đây không phải là quy trình cứng nhắc, tùy theo mỗi chủ đề, mục tiêu cần đạt mà người dạy cần linh hoạt thiết kế, xây dựng bối cảnh và hoạt động ngôn ngữ tương ứng. Ở phần này chúng tôi sẽ giới thiệu một quy trình cơ bản của việc giảng dạy bằng phương pháp giao tiếp ở trường ĐHSP - ĐHQĐ có thể gồm các bước sau:

(1) Miêu tả tình huống giao tiếp giả định một cách ngắn gọn, rõ ràng (có thể thông qua bài tập chuẩn bị giao tiếp);

(2) Phân tích tình huống nêu ra, thực hành giao tiếp theo tình huống;

(3) Hướng dẫn học viên nhận xét chéo và đánh giá mức độ tương thích giữa lời nói và hoàn cảnh giao tiếp;

(4) So sánh, điều chỉnh những lời nói chưa phù hợp, rút ra những kết luận cần thiết để học viên ghi nhớ, luyện tập;

(5) Phân công nhiệm vụ tương tác xã hội cho các nhóm làm việc ngoài giờ học, sản phẩm nộp theo kì hạn, được thẩm định chất lượng để có hình thức tuyên dương khen thưởng với các cá nhân và nhóm học tập.

Bước thứ 5 tùy thuộc vào từng bài, năng lực ngôn ngữ của học viên và các điều kiện khác như nơi ở của học viên, phương tiện di chuyển, sinh hoạt cá nhân của học viên... để linh hoạt phân công nhiệm vụ tương tác cho phù hợp. Cũng như đã đề cập ở trên, các hoạt động thực hành ngôn ngữ này có thể có giảng viên tham gia hướng dẫn, hỗ trợ học viên thực hành giao tiếp trong các giờ outdoor, thông qua việc giáo viên hướng dẫn học viên đi thực tế hỏi đường, gọi món và tính tiền ở quán ăn - nhà hàng, nêu yêu cầu khám bệnh ở bệnh viện, hỏi thông tin ở các điểm du lịch... Trong đó, giáo

viên giao hoàn toàn quyền chủ động cho học viên, giáo viên quan sát, có thể dùng các phương tiện phù hợp quay video để trở về lớp học cho học viên xem lại. Điều quan trọng là giáo viên tuyệt đối không can thiệp vào quá trình giao tiếp thực tế của học viên, học viên toàn quyền xử lý thậm chí giao tiếp phi ngôn ngữ hay điều chỉnh khi mắc lỗi. Giáo viên chỉ tham gia vào tình huống khi có xung đột căng thẳng với người bản ngữ. Điều này đặt người học vào vai giao tiếp thực sự, môi trường giao tiếp không còn là môi trường lớp học mà là thực tế. Các lỗi giao tiếp, các vấn đề phát sinh có thể được giáo viên góp ý, nhận xét và điều chỉnh để học viên khắc phục khi quay về lớp học thông qua việc giáo viên và học viên cùng xem lại trong các đoạn video, lúc này giáo viên sẽ hướng dẫn học viên phân tích kỹ lời nói, biểu cảm từ đó sửa lỗi phát âm, dùng từ hay đặt câu của từng trường hợp. Cách làm này rất sinh động và cụ thể, học viên nhanh chóng rút kinh nghiệm và điều chỉnh.

4.3. Kiến nghị và đề xuất

Từ thực tế của việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài bằng phương pháp giao tiếp ở trường ĐHSP - ĐHQĐ, chúng tôi đưa ra một số ý kiến và đề xuất, theo đó hi vọng rằng người làm công tác giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài bằng phương pháp giao tiếp có thể tham khảo để áp dụng vào trong việc giảng dạy của mình nhằm đạt được hiệu quả tốt hơn.

4.3.1. Phân hoá lớp học theo đối tượng

Học viên nước ngoài theo học tiếng Việt tại Trường Đại học Sư phạm có mục đích khác nhau, trình độ và tuổi tác khác nhau. Xuất phát từ nhu cầu đó, các lớp học nên được phân chia theo đối tượng học, mục đích học, tuổi tác, học ngắn hạn hay dài hạn. Điều này sẽ tạo cho lớp học thuận lợi, tạo không khí vui vẻ và tích cực trong việc học của họ. Học viên phải được dành nhiều thời gian cho việc thực hành giao tiếp.

Thực chất ở Trường ĐHSP đã thực hiện việc phân lớp theo nhu cầu ngắn hạn, dài hạn đó là đối tượng học dự bị tiếng Việt và các nhóm đối tượng khác. Tuy nhiên một hạn chế còn tồn tại đó là tình trạng lớp học tiếng Việt khá đông, trên 20 học viên, có khi đến 30 học viên. Thêm vào đó học viên có trình độ khác nhau, thậm chí là phân hoá khá xa khiến cho việc áp dụng phương pháp giao tiếp khó đạt hiệu quả tối ưu. Khi hoạt động thực hành đã tốt ở nhóm này nhưng nhóm khác vẫn lúng túng

về phát âm, nhận định nghĩa thì người dạy dễ rơi vào lúng túng, khó xử lí. Vậy nên quá trình sắp xếp lớp học cần được diễn ra thường xuyên, thay đổi định kì dựa trên bảng theo dõi trình độ thực hành ngôn ngữ, tránh tình trạng chênh lệch trình độ kéo dài trong 1 lớp học khiến cho chất lượng dạy học bị trì trệ.

4.3.2. Về giáo trình

Hiện nay trên thị trường có nhiều bộ giáo trình do cá nhân hoặc nhóm tác giả phát hành với nhiều định hướng và cấu trúc khác nhau. Trường ĐHSP - ĐHQĐ hiện vẫn đang dùng một số bộ giáo trình cho những đối tượng khác nhau. Trong đó một số bộ giáo trình được ấn hành từ nhiều năm trước, nội dung giáo trình còn nặng tính lí thuyết, thiên về giới thiệu về tiếng Việt mà chưa chú trọng đến năng lực giao tiếp khiến cho người học luôn có khoảng cách với thực tế cuộc sống. Hơn nữa, hiện nay việc thi và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Việt thực hiện theo quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo khung năng lực tiếng Việt 6 bậc và định dạng đề thi năng lực nhưng nhiều giáo trình vẫn chưa cập nhật điều này. Có thể thấy, việc thi năng lực tiếng Việt là một hình thức kiểm tra khả năng giao tiếp tiếng Việt của người nước ngoài, vậy nên hiển nhiên chúng ta phải tiến hành dạy giao tiếp để có khả năng đáp ứng nhiều nguyện vọng của người học đối với tiếng Việt. Hiện nay, Trường ĐHSP - ĐHQĐ đang tiến hành biên soạn bộ giáo trình tiếng Việt hoàn thiện theo hướng dẫn từ khung năng lực tiếng Việt 6 bậc. Hi vọng rằng bộ giáo trình này sớm được nghiệm thu và đưa vào sử dụng để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo tiếng Việt tại đơn vị nói chung và giảng dạy theo phương pháp giao tiếp nói riêng.

4.3.3. Về lớp học và môi trường học

Học tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp không nên bố trí bàn học trong lớp theo phương pháp truyền thống (bảng - thầy - trò) cố định. Với đặc thù của hoạt động giao tiếp, việc sắp xếp lớp học phải tạo sự thoải mái, tạo không khí tích cực. Việc sắp xếp chỗ ngồi cần phải thay đổi cho phù hợp với các hoạt động cho từng cá nhân, từng nhóm và đôi khi cả lớp (hoạt động lớp theo nội dung yêu cầu của bài học). Ví dụ: Tùy theo hoạt động mà từng cặp học viên ngồi đối diện hay nhóm 4 - 5 học viên ngồi thành vòng tròn hoặc cả lớp ngồi thành vòng tròn...

Để có nhiều cơ hội tương tác cũng như giúp giáo viên theo dõi chính xác, điều chỉnh khi cần thì số lượng học viên trong một lớp không được quá đông hoặc quá ít (số lượng lí tưởng một lớp là 10 -15 học viên). Nếu lớp đông, không khí có thể sôi nổi hơn nhưng giáo viên sẽ khó tổ chức hoạt động cũng như nhận xét, điều chỉnh theo từng hồ sơ học viên. Nếu lớp ít thì học viên không có điều kiện để tương tác, việc tương tác 1-1 giữa người dạy và người học không phải lúc nào cũng hiệu quả với học viên.

Về góc độ này thì ở trường ĐHSP - ĐHQĐ vẫn còn khá hạn chế, vì cơ sở vật chất hiện nay vẫn chưa cung ứng đủ theo yêu cầu nói trên. Số lượng học viên đông trong một lớp dự bị tiếng Việt cùng với sự phân hoá trình độ không đều mà chúng tôi nói trên khiến cho việc tổ chức hoạt động vô cùng khó khăn. Lớp học ngoại ngữ chuyên dụng đáp ứng yêu cầu vẫn chưa có nên mỗi khi thay đổi bối cảnh hoạt động giao tiếp phải mất khá nhiều thời gian kê kéo bàn ghế. Ngược lại với tình trạng lớp đông là những lớp quá ít, chỉ có 1-2 hoặc dưới 5 học viên khiến hiệu quả của phương pháp giao tiếp cũng bị ảnh hưởng nhiều. Điều này rất khó khắc phục vì như chúng tôi đã đề cập ở trên là các lớp học này được phân bổ theo nhu cầu của người học.

4.3.4. Về các hoạt động ngoại khóa

Mặc dù đã chú trọng đến việc tổ chức các lễ hội văn hóa, các hoạt động outdoor định kì như đi chợ, siêu thị, thăm các làng quê, làng nghề, nhà thờ, chùa đình, lăng miếu... để người học thực hành ngôn ngữ. Tuy nhiên số lượng và hiệu quả của các hoạt động vẫn còn hạn chế. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, phối hợp với chính quyền và người dân địa phương để thực hiện các chương trình nhận cha mẹ nuôi người Việt, cho sinh viên dự bị tiếng Việt ở chung với gia đình người Việt (homestay) để tăng lên khả năng giao tiếp tự nhiên cho học viên. Thông qua các hoạt động này, người nước ngoài trực tiếp nhận biết được cách sinh hoạt, truyền thống, văn hóa của người Việt không những qua ngôn ngữ mà còn qua các hoạt động tái hiện hoặc thực tế diễn ra.

5. Kết luận

Theo phương pháp giao tiếp, mục đích của dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là giúp người học phát

triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt, vì vậy cần kết hợp dạy cả kiến thức lẫn kỹ năng để người học có thể tự tin giao tiếp bằng tiếng Việt trong quá trình sinh sống, học tập hoặc làm việc tại Việt Nam. Việc dạy học ngoại ngữ nói chung và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài như một ngoại ngữ được tiến hành thông qua nhiều phương pháp khác nhau. Mỗi phương pháp đều có điểm ưu việt riêng không thể phủ nhận, vậy nên trong thực tế giảng dạy, cần phối hợp linh hoạt các phương pháp với nhau để hạn chế những điểm không tích cực. Thực tế công tác dạy tiếng Việt tại Trường ĐHSP - ĐHQĐN cho thấy người học cảm thấy hứng thú và cũng có nhiều phản hồi tích cực hơn khi học tiếng Việt bằng phương pháp giao tiếp. Thiết nghĩ, chúng tôi cần thực hiện nhiều khảo sát, thực nghiệm để chứng minh hiệu quả dạy học tiếng Việt bằng phương pháp giao tiếp, đồng thời khắc phục những vấn đề còn tồn đọng để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài như một ngoại ngữ tại Trường ĐHSP - ĐHQĐN hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bachman, L. F., & Bachman, P. of A. L. L. F. (1990). *Fundamental Considerations in Language Testing*. OUP Oxford.
- Bussmann, H., Trauth, G., Kazzazi, K., & Bussmann, H. (1996). *Routledge dictionary of language and linguistics*. Routledge.
- Nguyễn, Đ. D. (1995). Các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ. *Tạp Chí Ngôn Ngữ, 1*.
- Phan, V. G. (1995). *Ứng dụng quá trình giao tiếp vào giảng dạy tiếng Việt—Tiếng Việt như một ngoại ngữ*. Giáo dục.
- Vũ, T. T. H. (2006). Từ khái niệm “Năng lực giao tiếp” đến vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay. *Tạp Chí Ngôn Ngữ, 4*.

SOME ISSUES OF TEACHING VIETNAMESE FOR FOREIGNERS BY COMMUNICATIVE LANGUAGE TEACHING

AT THE UNIVERSITY OF DANANG - UNIVERSITY OF SCIENCE AND EDUCATION

Abstract: In recent years, there has been an increasing demand for studying Vietnamese, particularly the foreigners. For the sake of a highly qualified training and the effectiveness of communication in Vietnamese after leaving school, it is believed that selecting an ultimate teaching method should be a prerequisite step. As a reputable unit in Vietnamese language training, various methods have been flexibly applied in Vietnamese language classes for foreigners at the University of Pedagogy - UD. Of those methods, in our opinion, Communication is a scientific and practical method, which has brought positive effects to improve the communication capacity of learners. This article presents some issues surrounding the practice of teaching Vietnamese to foreigners by communicative language teaching at The University of Danang - University of Science and Education.

Key words: communicative language learning; communicative competence; method; effects; teaching Vietnamese to foreigners.